

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 29/07/2021

“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C , TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hợp

Bà Nguyễn Thị Việt N

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị T Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Nghệ An.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1979. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1977. Vắng mặt không có lý do

Đều trú tại: Khối 01, pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/01/2021, tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H kết hôn có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 01/03/2003 tại UBND pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Trong cuộc sống, vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và căng thẳng, ảnh hưởng rất lớn đến con chung và cuộc sống mỗi người. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị L xin được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H có 01 con chung là cháu Lê An D, sinh ngày 08/4/2015. Nếu ly hôn, chị Phạm Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê An D, yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, chị Phạm Thị L có yêu cầu Tòa án giải quyết khối tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 lợp broximang xây trên diện tích đất 214,2m² tại thửa đất số 239, tờ bản đồ 09 Tộc khối 1, pH Nghi Tân, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn H, Phạm Thị L. Trị giá nhà khoảng 100.000.000 đồng, trị giá đất khoảng 640.000.000 đồng;

- 01 thửa đất số 1001 tờ bản đồ số 02, diện tích 120m² tại xóm Khánh Đông, xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 861916 mang tên Lê Văn H, Phạm Thị L. Trị giá đất 480.000.000 đồng.

- Các đồ dùng, vật dụng tại ki ốt số 118 ở pH Nghi T, thị xã C có tổng giá trị khoảng 80.000.000 đồng. *(Ki ốt này hết hạn hợp đồng Tê từ tháng 9 năm 2020, hiện nay chưa ký được hợp đồng Tê tiếp).*

- 01 chiếc xe SH nam BKS 37S1 – 09713, đăng ký xe mang tên Phạm Thị L. Trị giá xe hiện tại 50.000.000 đồng

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa vợ chồng.

Về khoản nợ: Trong đơn khởi kiện, chị Phạm Thị L trình bày, trong quá trình kinh doanh kiốt tại bãi biển C (kiốt 118), vợ chồng có nợ các nhà cung ứng hàng hóa gồm:

- Chị Trương Thị X, trú tại khối 1, pH T, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 200.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị M, trú tại khối 6, pH T, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 57.600.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị N, trú tại khối 6, pH T, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 78.000.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị P, trú tại khối 5, pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 50.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị P, trú tại khối 2, pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 35.000.000 đồng.

- Anh Trần Văn Đ, trú tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An: 15.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị T, trú tại khối 2, pH T, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 60.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H, trú tại khối 2, pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 10.000.000 đồng.

- Anh Hoàng Văn S, trú tại khối 3, pH N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 10.000.000 đồng.

- Chị Hồ Thị H, trú tại khối 7, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 15.000.000 đồng.

- Chị Phạm Thị N, trú tại khối 7, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An: 15.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Phạm Thị L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị L đã đề xuất phương án cho những người cung cấp hàng hóa trên và họ đồng ý, không yêu cầu tòa án giải quyết về những khoản nợ trên.

Tại các biên bản lấy lời khai, chị Trương Thị X, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị N (chồng là anh Phùng Huy Thư), chị Hoàng Thị P, chị Lê Thị P, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị T (chồng là anh Nguyễn Thanh Đức), chị Nguyễn Thị H (chồng là anh Nguyễn Văn Xuân), anh Hoàng Văn S, chị Hồ Thị H

(chồng là anh Văn Đức Châu), chị Phạm Thị N trình bày hoàn toàn đồng ý với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện chị Phạm Thị L, thống nhất không yêu cầu giải quyết về khoản nợ. Việc đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ với vợ chồng chị Phạm Thị L là tự nguyện, không ai ép buộc, đề nghị Tòa án chấp nhận. Nếu có vấn đề phát sinh, các bên sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Lê Văn H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không chấp hành các văn bản tố tụng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó tại hồ sơ vụ án không có bản tự khai của anh Lê Văn H, vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C , tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và T thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Văn H; Về con chung: Giao con chung cháu Lê An D, sinh ngày 08/4/2015 cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 08 năm 2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Miễn xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại tạm ứng án phí chia tài sản cho chị Phạm Thị L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do chị Phạm Thị L yêu cầu, nơi ĐKKHKT và cư trú của anh Lê Văn H ở khối 01, phường N, thị xã C , tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Nghệ An.

Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định chị Trương Thị X, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị N (chồng là anh Phùng Huy Thư), chị Hoàng Thị P, chị Lê Thị P, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị T (chồng là anh Nguyễn Thanh Đức), chị Nguyễn Thị H (chồng là anh Nguyễn

Văn Xuân), anh Hoàng Văn S, chị Hồ Thị H (chồng là anh Văn Đức Châu), chị Phạm Thị N – là những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Tuy nhiên, họ đều thống nhất với chị Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết khoản nợ L quan đến họ; Đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng, không triệu tập họ với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án. Yêu cầu của họ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn H. Tuy nhiên, anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/03/2003 tại UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và căng thẳng, ảnh hưởng rất lớn đến con chung và cuộc sống mỗi người. Để ổn định cuộc sống, chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn H, không yêu cầu đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại UBND phường N thì vợ chồng chị L, anh H có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể UBND phường không nắm được. Anh Lê Văn H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai trình bày quan điểm của mình, mặc dù tòa án rất nhiều lần tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này chứng tỏ anh H không có ý thức níu kéo, gìn giữ hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh H thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H có 01 con chung là cháu Lê An D, sinh ngày 08/4/2015. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn H không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về vấn đề nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị L là chính đáng, mức yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con phù hợp. Để cháu Lê An D phát triển đầy đủ thể chất, tinh thần, ổn định cuộc sống cần giao cháu Lê An D cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng tính 01 tháng 08 năm 2021 cho đến khi cháu Lê An D đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Thị L có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị L rút yêu cầu giải quyết tài sản chung. Anh Lê Văn H không có văn bản thể hiện ý chí về việc giải quyết vấn đề tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị

L về quan hệ tài sản chung. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có đủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị L và những người L quan về khoản nợ chung của vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Lê Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về án phí:

Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; trả lại tạm ứng án phí chia tài sản chung cho chị Phạm Thị L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 217, 218, 219, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê An D, sinh ngày 08 tháng 04 năm 2015 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ ngày 01 tháng 08 năm 2021 đến khi cháu Lê An D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh anh Lê Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Lê Văn H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản chung. Trả lại tài liệu, chứng cứ L quan đến tài sản chung cho chị Phạm Thị L nếu có yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại quan hệ tài sản chung theo quy định.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Miễn xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 34.884.000đ (*Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng*) án phí đã nộp. Trả lại cho chị Phạm Thị L 34.584.000 đồng (*Ba mươi tư triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C theo biên lai số 0000351 ngày 05 tháng 02 năm 2021.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã C ;
- Chi cục THADS thị xã C ;
- UBND phường Nghi Tân, TX C ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh